

Số: 653/TT-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2018

### TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

ĐẾN

Ngày: 29/10/18

Số: 7202

Chuyển: CV

Lưu Hồ Sơ: TT-UBND

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

#### I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Tại Khoản 1, Điều 22 Luật phí và lệ phí quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền" và tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh".

- Tại Khoản 15, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do đó, để phù hợp với các quy định nêu trên và để áp dụng thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 9 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang.

#### II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo

1. Mục đích: Ban hành văn bản mới thay thế quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang để phù hợp với quy định tại Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quan điểm chỉ đạo:

- a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật phí và lệ phí và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016; Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thu phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết này gửi đến các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố góp ý.

Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 331/BC-STP ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang.

### IV. Bố cục và nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết có 3 Điều, gồm:

- a) Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang.
- b) Điều 2. Điều khoản thi hành.
- c) Điều 3. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang theo dự thảo Nghị quyết đính kèm.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. /*CP*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Sở: Tài chính; TN&MT; Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng

Số: /2018/NQ-HĐND An Giang, ngày tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định  
đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban ; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt phải nộp phí theo quy định, trừ các trường hợp được miễn thu phí tại điểm b khoản này.

b) Các trường hợp không thu phí: Không thu phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định của Luật Tài nguyên nước trong các trường hợp:

- Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ mục đích trong phạm vi gia đình;
- Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi diện tích đất đã được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;
- Khai thác, sử dụng nước mặt không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học.

c) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường

### 3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt như sau:

| STT | Đối tượng thu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT                 | Mức thu (đồng) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------|
| 1   | Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho phát điện với công suất dưới 50kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m <sup>3</sup> /ngày-đêm                                                                                                                                                                  | đồng/đề án, báo cáo | 300.000        |
| 2   | Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m <sup>3</sup> /giây đến dưới 0,5m <sup>3</sup> /giây hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m <sup>3</sup> /ngày - đêm đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày-đêm      | đồng/đề án, báo cáo | 900.000        |
| 3   | Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m <sup>3</sup> /giây đến dưới 1m <sup>3</sup> /giây hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày - đêm đến dưới 20.000m <sup>3</sup> /ngày- đêm | đồng/đề án, báo cáo | 2.200.000      |
| 4   | Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m <sup>3</sup> /giây đến dưới 2m <sup>3</sup> /giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m <sup>3</sup> /ngày - đêm đến 50.000m <sup>3</sup> /ngày- đêm     | đồng/đề án, báo cáo | 4.200.000      |

b) Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép: mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí tại điểm a khoản này.

### 4. Quản lý và sử dụng đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Đơn vị thu phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

b) Số tiền còn lại 50% (năm mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

## 5. Cơ quan thu phí:

a) Tổ chức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết này.

b) Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí.

c) Lập và cấp chứng từ thu cho người nộp phí theo quy định của pháp luật và đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.

d) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí theo chế độ hiện hành.

đ) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp lần thứ 9 thông qua ngày tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt tại mục III Chương IV Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Website Chính phủ;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG, Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.Tổng hợp-Nh.

**CHỦ TỊCH**

Số: 331/BC-STP

An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2018

### BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt**

Ngày 18/10/2018, Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định theo Công văn số 2501/STC-HCSN của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

#### **I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo**

Theo điểm m khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy định:

##### ***“Điều 5. Căn cứ xác định mức thu phí và lệ phí***

##### ***1. Đối với các khoản phí***

*m) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi và thu phí”.*

Thông nhất đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.

#### **II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Theo Khoản 1 Điều 22 và khoản 5 Mục IX Phần A. Danh mục phí Ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định:

##### ***“Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

*1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.*

#### **IX. PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

##### ***5. Phí khai thác, sử dụng nguồn nước***

##### ***5.3 Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.”***

Theo Khoản 15 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC, quy định:

***“Điều 2. Danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***

15. *Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện). ”*

Căn cứ các quy định trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang là **đúng thẩm quyền và cần thiết**.

### **III. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung thay thế quy định tại Chương IV Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, vì Chương IV có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực phí: Phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm do đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; thăm định đề án khai thác sử dụng nước mặt; thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

### **IV. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Đề nghị in đậm tiêu đề Điều 1 dự thảo Nghị quyết và xuống dòng khoản 1 của Điều 1 (1. Phạm vi điều chỉnh).

Trên đây là Báo cáo kết quả thăm định của Sở Tư pháp./. *lt*

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDKT.

**GIÁM ĐỐC**



*Cao Thanh Sơn*